TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 02 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Đỗ Biên Ải

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:531/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tường D, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp T Tn, xã T H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp C N, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Tường D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh C tổ chức đám vào năm 2016, nhưng không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Anh, chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị D yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 31/01/2017.Từ ngày ly thân đến nay cháu K B do chị Dnuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Minh C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Chưng thống nhất lời trình bày của chị D và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C thống nhất lời trình bày của chị D, khi ly hôn anh xin nuôi con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Anh C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thấy rằng, mặc dù hôn nhân của chị D và anh C trên cơ sở tự nguyện, anh C đồng ý ly hôn với chị D nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn hay không mà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị D và anh C là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị D và anh C đều có nguyện vọng xin nuôi cháu K B, việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị không đặt ra. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét về điều kiện kinh tế: Chị D xác định hiện tại chị đi làm thuê thu nhập mỗi tháng 15.000.000 đồng, ngoài ra công ty hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng tiền xăng, chị có thuê diện tích đất 140,5m^2 thời hạn 25 năm với giá 80.000.000 đồng, sau khi thuê đất chị mở quán cà phê bán bình quân mỗi tháng thu nhập 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Anh C hiện tại đi làm thuê nuôi tôm công nghiệp gần nhà mỗi tháng thu nhập hơn 10.000.000 đồng, ngoài ra anh là con út trong gia đình sống chung với cha mẹ anh, gia đình có hơn 20 công đất nhà cửa ổn định.

Xét về điều kiện đi học của cháu B: Cháu B hiện đang sống với chị D tại thành phố Cà Mau từ nhà chị cách trường học đi xe máy khoảng 05 phút.

Khoảng cách từ nhà anh C đến trường mẫu giáo đi xe máy khoảng 07 phút. Như vậy xét về điều kiện kinh tế và giao thông thì cả chị D và anh C cơ bản ngang nhau.

Về điều kiện chăm sóc cháu K B: Tại phiên tòa chị D và anh C đều xác định từ ngày anh, chị ly thân đến nay cháu K B do chị D nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, cháu K B là con gái nên việc giao cho mẹ là chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Từ nhưng phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị D. Cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K B là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ: Chị D và anh C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Tường D và anh Nguyễn Minh C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần K B, sinh ngày 31/01/2017 cho chị Trần Thị Tường D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Nguyễn Minh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Tường D phải chịu 300.000 đồng, ngày 09 tháng 12 năm 2019, chị D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0010026 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Chị Trần Thị Tường D và anh Nguyễn Minh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến